

TRẢO ĐỐI Ý KIẾN

MỘT VÀI SUY NGHĨ NHÂN ĐỌC CUỐN “VĂN HOÁ VIỆT NAM - NHỮNG ĐIỀU HỌC HỎI”^(*) CỦA TÁC GIẢ VŨ NGỌC KHÁNH

NGUYỄN XUÂN DƯƠNG (**)

Tóm tắt: Có tồn tại một nền văn hoá Việt Nam - đó là kết luận dựa trên những cơ sở vững chắc. Chỉ riêng những vấn đề về ăn uống thôi cũng đủ để khẳng định có một nền văn hoá ẩm thực Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc. Thêm nữa, sự truyền thừa trực tiếp của Phật giáo ở Việt Nam và tính cách Việt Nam trong đạo Phật ở đây cho thấy, Phật giáo Việt Nam - với sự độc lập về mọi phương diện: truyền thống, tổ chức, phát triển... là của riêng người Việt Nam. Chứng minh có một nền văn hoá Việt Nam với bản sắc riêng, không pha trộn... là điểm nổi bật của cuốn “Văn hoá Việt Nam - những điều học hỏi”.

Cúng ta hẳn vẫn chưa quên mới ngày nào đó, một đôi người được coi là bậc thức giả mà lại phụ hoạ với một số người Pháp trong tầng lớp thống trị trước đây và cho rằng, dân tộc ta trong suốt mấy ngàn năm lịch sử chỉ độc cổ đi vay mượn, còn thực tế chẳng có một chút vốn liếng gì về văn hoá.

Trước tình hình ấy, nhà văn Hoài Thanh đã tỏ lòng công phẫn, lên tiếng phê phán: “Óc nô lệ đến thế thật là cùng cực”. Và, ông tiếp tục: “Sự nhối sợ của người Pháp đã khiến một số đồng bào ta tin rằng chúng ta chẳng những hoàn toàn bất lực về kinh tế, về chính trị mà còn hoàn toàn bất lực về văn hoá nữa”. Để bác bỏ nhận định sai lầm trên, ông đã viết thiên tiểu luận *Có một nền văn hoá Việt Nam*, được *Hội văn hoá cứu quốc Việt Nam* xuất bản năm 1946 và được nhiều người đón đọc một cách hân hoan.

Ấy là bởi vào lúc bấy giờ, Cách mạng tháng Tám mới thành công, trình độ hiểu biết của chúng ta nói chung hãy còn hạn hẹp; hơn nữa, vấn đề văn hoá cũng không

phải là vấn đề đơn giản. Về ý nghĩa của các từ văn hoá và văn minh (mà tiếng Pháp gọi là “civilisation” và tiếng Đức gọi là “kultur”), các học giả thế giới, nhất là ở phương Tây, cũng đang tiếp tục bàn luận và chưa hoàn toàn có sự thống nhất.

Cách mạng thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã thực hiện dã tâm quay lại xâm lược nước ta một lần nữa và toàn thể nhân dân ta, theo lời kêu gọi của Đảng đã nhất tề đứng lên chống Pháp. Tuy nhiên, trong cuộc kháng chiến, chúng ta vẫn tổ chức học tập, vẫn tiến hành hoạt động nghiên cứu. Trong điều kiện như vậy, tác giả Vũ Ngọc Khánh đã tiếp bước nhà văn Hoài Thanh; hơn nữa, còn cố gắng có sự hiện diện ở nhiều lĩnh vực: văn học, sử học, ngôn ngữ học, dân tộc học, triết học... và ở lĩnh vực nào, ông cũng tỏ ra có những hiểu biết khá thấu đáo.

Các bài viết của tác giả đăng ở nhiều tạp chí từ những năm 60 của thế kỷ trước

(*) Vũ Ngọc Khánh. *Văn hoá Việt Nam - những điều học hỏi*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2004.

(**) Nhà giáo lão thành, thành phố Thanh Hoá.

được tập hợp thành một chuyên khảo mà đến nay, đọc lại không hề thấy cũ.

Cuốn sách đề cập đến rất nhiều vấn đề, nhưng trong bài viết này chúng tôi chỉ xin lưu ý các bạn đọc đến hai vấn đề: một vấn đề rất thường - *vấn đề ăn uống* (Các cụ ta xưa chẳng đã nói “về chi ăn uống sự thường” là gì?) và một vấn đề đã làm hao tổn bao nhiêu thời gian và công sức của các nhà nghiên cứu là *vấn đề triết học Phật giáo*, để xem trước những vấn đề ấy, tác giả Vũ Ngọc Khánh đã có cách nhìn và cách nghĩ như thế nào.

Trước hết, xin đi vào vấn đề ăn uống. Bàn về vấn đề này, tác giả chỉ rõ là từ bao đời nay, nhân dân ta đã coi đó là một vấn đề học thuật của con người. Tác giả đã dẫn cả sách xưa, như *Lĩnh nam chích quái* kể chuyện hoàng tử Lang Liêu được thần nhân mách bảo đã chế ra bánh chưng, bánh dày đem dâng vua cha để chứng minh rằng câu chuyện này có nội dung văn hoá thật sâu sắc. Tiếp đó, tác giả lại chỉ ra *tính thực tiễn* và *tính triết học* trong văn hoá ẩm thực. Thật vậy, “ăn no, mặc ấm” - thành ngữ đó quả đã thể hiện tính thực tiễn của quần chúng Việt Nam. Ăn no để có đủ sức lực mà lao động, mà đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Nhưng chúng ta không phải chỉ dừng lại tại đây; sống ở trên đời không phải chỉ cốt sao “ăn no” để rồi “vác nặng”, mà còn phải nghĩ sao cho cuộc sống ngày một tiến lên, cho nên khi đã đạt một mức sinh hoạt nào đấy, thì con người còn phải nghĩ cách vươn lên hơn nữa, và đây là vấn đề lý tưởng của quan niệm ẩm thực Việt Nam. Và tác giả Vũ Ngọc Khánh khẳng định: “Văn hoá ẩm thực dần dần hình thành và khẳng định vị trí của nó trong toàn cảnh của nền văn hoá dân tộc”.

Và tác giả dẫn người đọc tới suy nghĩ là qua quan niệm về “ăn” của một người nào đấy ta có thể thấy rõ cả nhân sinh quan, cả triết lý về cuộc sống của họ. Những câu chúng ta vẫn thường nghe nói chung quanh: “miếng ăn là miếng nhục”, “miếng ăn quá khẩu thành tàn” chẳng phải là những lời mai mỉa những người coi miếng ăn là tất cả, hoặc đã vì miếng ăn mà coi thường cả danh dự, nhân phẩm đó sao?

Đặc điểm đáng chú ý hơn nữa là tác giả đã chỉ ra trong vấn đề ăn uống, ta nhận ra được những gì phù hợp với kiến thức khoa học đã đành, mà “nếu đem đối chiếu với những vấn đề triết học đặc biệt là với triết học phương Đông ở cả hình nhi hạ và hình nhi thượng thì vẫn có rất nhiều điều phù hợp”. Và để minh hoạ cho ý kiến của mình, tác giả đã cho người đọc thấy là khi nấu các món ăn, các bà nội trợ Việt Nam đã nắm chắc gia vị nào thì hợp với món ăn nào, hoặc nấu theo kiểu nào thì tăng được chất lượng thức ăn. Những trang viết này chứng tỏ tác giả không những đã qua rất nhiều nơi và biết được những kiểu nấu nướng đa dạng, mà còn là người lịch lãm trong việc thưởng thức các món ăn. Nhưng điều quan trọng hơn ta có thể rút ra từ đó là đã có một nền văn hoá ẩm thực Việt Nam, và nền văn hoá ấy rõ ràng mang đậm bản sắc Việt Nam không pha trộn.

Rồi còn vấn đề này cũng cần lưu ý, đó là *vấn đề ứng xử trong ăn uống*. Chúng tôi vừa mới nói trên đây là tác giả đi nhiều, chúng tôi muốn nói thêm là tác giả đã thu thập được rất nhiều chuyện trong các chuyến đi ấy. Xin đưa ra đây một câu chuyện làm ví dụ: đó là chuyện một ông bố vợ muốn kén rể hiền, cho mời các chàng trai muốn làm rể đến ăn cơm, và trên mâm cơm, ông cố tình để đĩa tráo đầu đuôi rồi kín đáo quan sát họ ăn uống ra

áo. Sau đó mới thuận tình cho con gái theo người xứng đáng để “nâng khăn sửa túi”, vì theo ông - mà ở điểm này cũng rất nhiều người tán thành ý kiến của ông - cách ăn uống khoan thai đĩnh đạc, hoặc vội vã “bạ sao cũng được” cũng cho ta phân biệt được khá chính xác tính tình và tư cách của người ăn.

Tiếp đó, tác giả kể câu chuyện cổ tích về các vị Táo quân để chứng tỏ người Việt Nam tôn trọng cái bếp như thế nào, sau đó tác giả còn đề cập cả đến những cách bày biện, cách chia khẩu phần. Chúng ta có cảm giác như tác giả mới chỉ đưa vấn đề ra cho người đọc suy nghĩ, chứ tác giả chưa đưa ra ý kiến riêng về bất cứ vấn đề gì.

Trước khi dừng bút ở câu chuyện ẩm thực để qua lĩnh vực khác, tác giả còn nêu lên là trong sự tiếp xúc, giao lưu với bạn bè nước ngoài, chúng ta đã cho du nhập nhiều vật phẩm, nhiều món ăn phương Đông, phương Tây, trong đó có *phở*. Đây là món ăn có thể có gốc từ Trung Quốc, những sang đến Việt Nam, chúng ta đã biến hoá (phải chăng đây là một hiện tượng mà các nhà văn hoá học gọi là “tiếp biến văn hoá”?) thành một món ăn dân tộc hoàn toàn, rất độc đáo của Việt Nam. Phở - một món ăn mà sinh thời, nhà thơ trào phúng nổi danh Tú Mỡ cho là từ “các bậc vương tôn” đến “các thầy phán, thầy thông”, thậm chí cả “cánh thợ thuyền làm ăn vất vả”, tất cả mọi người đều công nhận là:

“... tốt bằng mười thuốc bắc.

Quế, phụ, sâm, nhưng chưa chắc đã hơn gì”.

Món ăn đặc sản Việt Nam ấy nổi danh đến đời:

“... thành Balê còn phải đón phở sang

Cùng các cao lương vạn quốc phô trương”.

Tóm lại, chỉ riêng trong lĩnh vực ăn uống, tác giả Vũ Ngọc Khánh đã đưa ra không biết là bao nhiêu thứ chuyện, ấy thế

mà, theo tác giả, đây mới chỉ là cái nhìn nhất lãm về diện mạo ẩm thực Việt Nam.

Trên đây, chúng tôi đã tóm tắt những điều tác giả Vũ Ngọc Khánh nêu lên chung quanh vấn đề ẩm thực; sau đây, chúng ta sẽ xem tiếp tác giả đã nói đến *Phật giáo* và *giáo lý đạo Phật* như thế nào.

Sở dĩ chúng tôi chọn vấn đề này là vì năm xưa, hồi còn đang đi học, chúng tôi có được giáo sư triết học của chúng tôi, một người chuyên nghiên cứu về triết học phương Đông, khi giảng về đạo Phật có cho biết là tôn giáo này mang dáng vẻ huyền bí nên ít người nắm vững được bản chất của nó. Ấy cũng bởi vì đạo Phật bao gồm nhiều kinh sách, mà trong các kinh sách ấy, lời lẽ có phần thần bí, hơn nữa trong đạo Phật lại có nhiều tông phái nên các nhà nghiên cứu lúc đầu gặp không ít khó khăn trong công việc. Nhưng về sau, các học giả phương Tây, nhờ sưu tầm được kinh sách cũ bằng chữ “phạn”, đem dịch ra, đối chiếu với những bản dịch của Trung Quốc, mới dần dần khám phá ra được gốc rễ, tôn chỉ, nêu ra được giáo lý của đạo Phật. Tuy nhiên, phần lớn các học giả ấy đều xác nhận cuốn *Đức Phật* của Oldenberg - một học giả người Đức, do Foucher dịch ra tiếng Pháp là cuốn khảo cứu công phu nhất. Giáo sư chúng tôi khuyên chúng tôi nếu muốn có một ý niệm chính xác về đạo Phật thì nên tìm đọc cuốn sách này. Chúng tôi đã nghe lời, ra Thư viện Trung ương tìm đọc cuốn sách của Oldenberg, nhưng khi thấy ông cho biết các nghiên cứu về Niết bàn của ông đã đưa đến một kết quả khá kỳ cục là: hai thể phải lựa chọn (alternatives) hình như tạo thành một song đề (dilemma) thật sự: một là Niết bàn phải được quan niệm như là cõi hư không, hai là Niết bàn phải được coi là nơi cực lạc tuyệt đỉnh, như vậy là cả

sao. Sau đó mới thuận tình cho con gái theo người xứng đáng để “nâng khăn sửa túi”, vì theo ông - mà ở điểm này cũng rất nhiều người tán thành ý kiến của ông - cách ăn uống khoan thai đĩnh đạc, hoặc vội vã “bạ sao cũng được” cũng cho ta phân biệt được khá chính xác tính tình và tư cách của người ăn.

Tiếp đó, tác giả kể câu chuyện cổ tích về các vị Táo quân để chứng tỏ người Việt Nam tôn trọng cái bếp như thế nào, sau đó tác giả còn đề cập cả đến những cách bày biện, cách chia khẩu phần. Chúng ta có cảm giác như tác giả mới chỉ đưa vấn đề ra cho người đọc suy nghĩ, chứ tác giả chưa đưa ra ý kiến riêng về bất cứ vấn đề gì.

Trước khi dừng bút ở câu chuyện ẩm thực để qua lĩnh vực khác, tác giả còn nêu lên là trong sự tiếp xúc, giao lưu với bạn bè nước ngoài, chúng ta đã cho du nhập nhiều vật phẩm, nhiều món ăn phương Đông, phương Tây, trong đó có *phở*. Đây là món ăn có thể có gốc từ Trung Quốc, những sang đến Việt Nam, chúng ta đã biến hoá (phải chăng đây là một hiện tượng mà các nhà văn hoá học gọi là “tiếp biến văn hoá”?) thành một món ăn dân tộc hoàn toàn, rất độc đáo của Việt Nam. Phở - một món ăn mà sinh thời, nhà thơ trào phúng nổi danh Tú Mỡ cho là từ “các bậc vương tôn” đến “các thầy phán, thầy thông”, thậm chí cả “cánh thợ thuyền làm ăn vất vả”, tất cả mọi người đều công nhận là:

“... tốt bằng mười thuốc bắc.

Quế, phụ, sâm, nhưng chưa chắc đã hơn gì”.

Món ăn đặc sản Việt Nam ấy nổi danh đến nỗi:

“... thành Balê còn phải đón phở sang

Cùng các cao lương vạn quốc phô trương”.

Tóm lại, chỉ riêng trong lĩnh vực ăn uống, tác giả Vũ Ngọc Khánh đã đưa ra không biết là bao nhiêu thứ chuyện, ấy thế

mà, theo tác giả, đây mới chỉ là cái nhìn nhất lãm về diện mạo ẩm thực Việt Nam.

Trên đây, chúng tôi đã tóm tắt những điều tác giả Vũ Ngọc Khánh nêu lên chung quanh vấn đề ẩm thực; sau đây, chúng ta sẽ xem tiếp tác giả đã nói đến *Phật giáo* và *giáo lý đạo Phật* như thế nào.

Sở dĩ chúng tôi chọn vấn đề này là vì năm xưa, hồi còn đang đi học, chúng tôi có được giáo sư triết học của chúng tôi, một người chuyên nghiên cứu về triết học phương Đông, khi giảng về đạo Phật có cho biết là tôn giáo này mang dáng vẻ huyền bí nên ít người nắm vững được bản chất của nó. Ấy cũng bởi vì đạo Phật bao gồm nhiều kinh sách, mà trong các kinh sách ấy, lời lẽ có phần thần bí, hơn nữa trong đạo Phật lại có nhiều tông phái nên các nhà nghiên cứu lúc đầu gặp không ít khó khăn trong công việc. Nhưng về sau, các học giả phương Tây, nhờ sưu tầm được kinh sách cũ bằng chữ “phạn”, đem dịch ra, đối chiếu với những bản dịch của Trung Quốc, mới dần dần khám phá ra được gốc rễ, tôn chỉ, nêu ra được giáo lý của đạo Phật. Tuy nhiên, phần lớn các học giả ấy đều xác nhận cuốn *Đức Phật* của Oldenberg - một học giả người Đức, do Foucher dịch ra tiếng Pháp là cuốn khảo cứu công phu nhất. Giáo sư chúng tôi khuyên chúng tôi nếu muốn có một ý niệm chính xác về đạo Phật thì nên tìm đọc cuốn sách này. Chúng tôi đã nghe lời, ra Thư viện Trung ương tìm đọc cuốn sách của Oldenberg, nhưng khi thấy ông cho biết các nghiên cứu về Niết bàn của ông đã đưa đến một kết quả khá kỳ cục là: hai thể phải lựa chọn (alternatives) hình như tạo thành một song đề (dilemma) thật sự: một là Niết bàn phải được quan niệm như là cõi hư không, hai là Niết bàn phải được coi là nơi cực lạc tuyệt đỉnh, như vậy là cả

thế nọ lẫn thế kia, chẳng thế nào là hoàn toàn hợp lý (trích ở cuốn *Đức Phật* của Oldenberg, bản dịch của Foucher), chúng tôi thấy vấn đề cũng khá phức tạp nên đành gác lại một bên, và chọn vấn đề khác để trình bày trong kỳ thi cuối khoá.

Đến nay thấy tác giả Vũ Ngọc Khánh bàn về vấn đề này, chúng tôi đọc và thấy những phân ông trình bày rất rõ ràng, rất mạch lạc. Phải thừa nhận rằng, phải có một cái nhìn rộng rãi và có một khả năng tổng hợp khá sắc nét mới có thể trình bày các vấn đề phức tạp như vấn đề *Tứ diệu đế* (bốn điều huyền diệu) một cách gọn gàng, dễ hiểu như vậy.

Sau khi nêu rõ con người có *bốn cái khổ* và nguyên nhân của bốn cái khổ ấy, tác giả trình bày tiếp là để diệt được khổ phải có con đường đi cho đúng. Con đường đi ấy có 8 phép gọi là *Bát chính đạo*. Sau đó, tác giả rút gọn lại: “Tu theo đạo Phật là phải biết suy nghĩ, học và làm theo các điều trên”.

Thật vậy, triết lý đạo Phật thời nguyên thủy truyền lại đại khái chỉ có vậy, về sau các đệ tử phụ hoạ thêm đặt ra các thuyết *vô ngã, hữu ngã, không sắc, sắc không* cùng những thuật phù chú siêu độ, vong nhân, không còn là đạo Phật thuần túy nữa.

Vậy thì đạo Phật chỉ là một đạo cứu khổ. Trong cuộc sống, chỉ có sự khổ là hiển nhiên. Sự khổ đã có thì phải tìm cách thoát khổ, muốn thoát khổ thì phải diệt khổ, nhưng khổ là liên với thân, khổ là một với sống, diệt khổ tức là diệt thân, diệt sống, nói cách khác diệt khổ tức là tự diệt vậy.

Lý luận như vậy quả là chặt chẽ. Song, trong chúng ta ai là người thấy nói đến hư vô mà không e ngại, nếu biết cả cuộc đời cố công, gắng sức tu hành mà chỉ đi đến cái đích cuối cùng là tan biến vào hư vô thì

thật là kinh khủng. Có lẽ cũng nhận rõ như vậy, nên nói đến cái đích cuối cùng Phật cũng có thái độ như Khổng Tử đối với quỷ thần. Khổng Tử không nói đến những chuyện thần kỳ, quỷ quái (*Luận ngữ, Thuật nhi*). Khi Tử Lộ hỏi nên thờ phụng quỷ thần như thế nào, Khổng Tử đáp lại như có ý bịt miệng: “Chưa biết thờ người, làm sao biết thờ quỷ” (*Luận ngữ, Tiên tiến*). Tử Lộ không hiểu ý thầy thế nào, muốn hỏi rõ thêm, thì Khổng Tử đáp lại như muốn gạt đi: “Chưa biết cái sống, làm sao biết được cái chết”. Phật tổ cũng có thái độ tương tự khi nghe đệ tử hỏi cái đích cuối cùng có phải là cõi hư vô không, và linh hồn khi nhập *Niết bàn* còn gì nữa không, Phật tổ hỏi lại rằng: “Nay có người bệnh thập tử nhất sinh, có người đem thuốc cứu cho khỏi chết, có uống ngay không hay còn cần vận: thuốc kia ở đâu tới, và gồm những chất gì? Như Lai thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ, muốn ra tay cứu vớt, khác nào như cho người bệnh thuốc; bệnh nặng, gặp thuốc, cứ uống còn muốn hỏi gì?”. Có thể Phật tổ cũng có ý nghĩ linh hồn sau khi tịnh diệt là vào cõi hư vô, chứ chẳng phải là thiên đường cực lạc gì, nhưng không hề giải rõ cho ai biết là e có kẻ chưa thoát khỏi vòng danh lợi, biết thế sẽ không còn nghĩ gì đến việc tu đạo chẳng?

Tóm tắt được gọn gàng lịch sử đạo Phật, nêu rõ được nội dung giáo lý đạo Phật là một ưu điểm đáng ghi nhận, nhưng còn đáng ghi nhận hơn là khi phê bình cuốn *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* do một nhóm nhà nghiên cứu biên soạn và do Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội ấn hành, tác giả đã chỉ ra được là khi đọc sách, ông mới chỉ thấy “tình hình truyền bá Phật giáo ở Việt Nam, còn Phật giáo có tính cách Việt Nam ra sao quả là chưa rõ”.

Nhận xét này rất đáng lưu ý vì Phật giáo Việt Nam là một nền Phật giáo riêng biệt của người Việt Nam, độc lập về mọi phương diện: về truyền thống, về tổ chức, về phát triển... Sự phát triển rất sớm của Phật giáo tại Giao châu, sự truyền thừa trực tiếp từ các nhà sư Ấn Độ chứng tỏ nước ta có truyền thống Phật giáo ít nhất là đồng thời hoặc trước cả Trung Hoa.

Tóm lại, đọc lại toàn bộ những bài được tập hợp lại trong cuốn sách, chúng ta thấy rất rõ, khi bàn về bất cứ vấn đề gì, tác giả Vũ Ngọc Khánh cũng có ý muốn cho người đọc thấy rõ là chúng ta quả có một nền văn hoá từ lâu đời, và trong giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hoá khác, nền văn hoá của chúng ta không những vẫn giữ được bản sắc riêng biệt của nó, mà còn được phát huy rõ rệt hơn.

Đó là ưu điểm nổi bật của cuốn *Văn hoá Việt Nam - những điều học hỏi*. Ngoài ra, còn nhiều ưu điểm khác mà người đọc cũng cần lưu ý. Thứ nhất là súc đọc nhiều của tác giả. Chỉ riêng việc giải thích mấy câu: "Chi chi chành chành" mà nhà phê bình văn học Trương Tửu đã nhắc đến trong phần mở đầu của cuốn *Kinh Thi Việt Nam*, xuất bản từ những năm đầu thập kỷ 40 của thế kỷ trước, tác giả đã nhắc ta nhớ tới cố Cadière với cuốn *Phong tục dân gian ở thung lũng Nguồn Sơn* (Quảng Bình) đăng trên tạp chí của trường Viễn Đông bác cổ, rồi đến *Hoạt động vui chơi của xã hội nhi đồng* của Ngô Quý Sơn viết bằng tiếng Pháp, đến cả cuốn *Đứa con và bà mẹ* của Hămphơri Đôngphơroa in ấn ở Pari từ năm 1939, trong đó có ghi *Binbili*, *Binbolo* là bắt chước tiếng chuông và *Hopla*, *Hopla* là bắt chước tiếng kêu lúc lên ngựa... Tất cả những trích dẫn (và còn nhiều nữa mà chúng tôi không kể ra đây) chứng tỏ là tác giả đã đọc

rất nhiều, và suy nghĩ khá sâu về tất cả những điều ông đã trình bày trong thiên tiểu luận này cũng như trong các thiên tiểu luận khác trong toàn tập sách.

Thứ nữa là thái độ khách quan của tác giả khi bàn luận về một vấn đề mà dư luận xã hội hầu như đã từ lâu hoàn toàn không có thiện cảm. Thật vậy, không phải chỉ dưới chế độ của chúng ta, mà ngay cả dưới thời thuộc Pháp cũng vậy, hễ nói đến quan lại là người ta nghĩ ngay đến lớp người có chức có quyền chuyên dè dặt cướp bóc, hà hiếp bóc lột người dân vô tội. Thành kiến của xã hội đối với giai tầng ấy nặng nề đến mức có một đôi người sinh ra và lớn lên trong các gia đình ấy đã giấu kín không muốn cho ai biết đến thành phần gốc rễ của mình. Thế nhưng, khi bàn đến vấn đề quan lại, tác giả đã tỏ ra có một cái nhìn thật khách quan và phát biểu nhiều ý kiến rất thẳng thắn. Đối với những kẻ ngu si dốt nát, nhưng gặp được vận may, cũng thênh thang nhập vào hàng "cầm cân, nảy mực", hoặc đối với những kẻ khi đất nước bị xâm lăng đã muối mặt đầu hàng, ngoan ngoãn làm tay sai cho giặc thì ông nghiêm khắc vạch mặt, chỉ tên. Ngược lại, đối với những người mà tác giả đánh giá là xứng đáng với chức vụ của mình, treo tấm gương "liêm, bình, cần, cán" cho đời sau, như Lý Đạo Thành, như Tô Hiến Thành..., hoặc nêu cao gương sĩ khí, chính trực như Nguyễn Biểu, như Phạm Ngũ Lão, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Tri Phương..., hoặc dám nhìn thẳng vào cái chết, làm rực sáng cái bản chất của con người anh hùng hy sinh vì nước như Tống đốc Hoàng Diệu, như phò mã Nguyễn Duy đã tử trận ở đồn Chí Hoà (Gia Định) thì tác giả Vũ Ngọc Khánh không tiếc lời ca ngợi, coi là trong lịch sử của nhiều nước trên thế giới cũng không có nhiều trường

hợp như thế, và gọi đó là “bản sắc Việt Nam”.

Trên đây là những ưu điểm lớn mà chúng ta nhận thấy rất rõ khi đọc cuốn *Văn hoá Việt Nam – những điều học hỏi* của tác giả Vũ Ngọc Khánh.

Nếu có cần nhắc tác giả điều gì, thì chúng tôi cũng chỉ nêu lên một đôi ý vụn vặt sau đây. Nói là vụn vặt, vì nếu tác giả chú ý một chút thì đã sửa chữa ngay được sau khi bài viết đã được in trên báo. Thí dụ: khi trích dẫn tên nước ngoài thì nên viết cho chính xác, như khi nhắc đến Gotama thì viết hẳn Gotama (nếu muốn phiên âm ra là Cổ Đàm thì nên để trong ngoặc đơn: Gotama (tức Cổ Đàm), chứ không nên viết khi thì Gautama như ở trang 453, khi thì lại viết Gáutma như ở trang 461; và khi phiên âm Tất Đạt Đa từ Siddhârtha thì tác giả cũng nên ghi đúng như trong sách tác giả đã trích ra.

Một điểm nữa cũng nên lưu ý là khi tác giả chưa tiếng nước ngoài để những ai muốn tham khảo thêm có thể tìm đọc, thì nên ghi cho cẩn thận, và một khi thấy nhà in in sai thì nên yêu cầu đính chính ngay, chứ không nên để cho đến khi in thành sách vẫn cứ in sai như “reprocal” và “determination” ở trang 581. Đây không phải là “tủn mủn” vì xin tác giả nhớ cho rằng, do rất nhiều người sẽ dùng cuốn sách của ông để nghiên cứu thì những điều chúng tôi vừa nêu trên là rất cần thiết. Nhưng, như chúng tôi vừa trình bày ở trên, đây chỉ là những chuyện vụn vặt, điều chúng tôi muốn tác giả đặc biệt lưu ý đến là những lời giải thích của ông. Ông là nhà nghiên cứu, nhưng đồng thời cũng là một thầy giáo dạy văn học được đông đảo sinh viên từ hàng mấy chục năm nay mến phục và tin tưởng, vì vậy ông nên hết sức thận trọng trong những lời giảng giải.

Thế nhưng, khi nhắc đến bà chúa Chê Đăng Thị Huệ và câu ca dao: “Trăm quan có mắt như mờ”, ông giải thích “mờ là mờ vì sắc đẹp của nàng, trong đó Huy quận công Hoàng Đình Bảo là nạn nhân đầu tiên”.

Có thật như vậy không? Câu ấy trong các bản sách cũ, chúng tôi thấy người ta thường chép là “Trăm quan có mắt như mù” và người ta thường hiểu đây là lời trách các quan là những người tinh thông kinh sử, được xã hội coi trọng cả về học lực lẫn đạo đức và nhân phẩm, tại sao trước tình hình hư đốn: một viên quan trong triều “dám sàm sỡ với một người ở bậc “mẫu nghi thiên hạ” mà cứ nhắm mắt làm thính như những kẻ mù loà”?

Tôi chắc tác giả là thầy của rất nhiều thế hệ, mà bạn bè cùng lứa và ngay cả lứa cao tuổi hơn nữa ai cũng phải công nhận là thuộc lớp “bác văn, cường ký” không bao giờ có sự lầm lẫn thơ ngây như vậy. Chắc ở đây tác giả muốn đưa ra một cách hiểu “hơi độc đáo” nhằm “mua vui tí chút” cho bạn đọc, nhưng trong một công trình nghiêm túc như công trình của ông, có nên đưa ra những cách “thư giãn” như vậy chăng?

Giữa lúc chung quanh chúng ta, ở bất cứ nơi đâu cũng bàn về văn hoá và tiếp xúc văn hoá thì công trình *Văn hoá Việt Nam - những điều học hỏi* của tác giả Vũ Ngọc Khánh có thể coi là một đóng góp lớn cho việc tìm hiểu vấn đề này; nó còn thôi thúc chúng ta trong hội nhập quốc tế, ra sức phát huy bản sắc, đóng góp cho việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □